

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

Số: 332/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, công bố danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 07 năm 2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT ngày 15/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, công bố danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang; gồm 17 tuyến (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thông báo công khai danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang; quản lý hoạt động vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh theo Danh mục được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh như: có tuyến đường mới được đưa vào khai thác; bến xe mới công bố được đưa vào khai thác, bến xe ngừng hoạt động hoặc do các vấn đề phát sinh khác dẫn đến phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục chi tiết mạng lưới tuyến cho phù hợp với nhu cầu đi lại của nhân dân.

Định kỳ trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Quyết định này. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đơn vị vận tải xác định lộ trình, vị trí điểm đầu, điểm cuối và điểm dừng đỗ của các tuyến vận tải khách phù hợp với nhu cầu đi lại của nhân dân, đảm bảo trật tự an toàn giao thông và tổ chức quản lý, triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt và công bố Danh mục mạng lưới tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, CVNCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

Phụ lục
CÁC TUYẾN ĐANG KHAI THÁC ĐƯA VÀO DANH MỤC
MẠNG LƯỚI TUYẾN VẬN TẢI KHÁCH CỐ ĐỊNH NỘI TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 332 /QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh				Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (Km)	Lưu lượng (xe xuất bến/ tháng)	Phân loại tuyến
		TP, huyện, xã nơi đi/đến	TP, huyện, xã nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến				
1	2323.1118.A	Hà Giang	Quản Bạ	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang	Thị trấn Tam Sơn	Bến xe khách phía Nam (thôn Cầu Mè) - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - thị trấn Tam Sơn (Quản Bạ) và ngược lại.	48	150	Đang khai thác
2	2323.1117.A	Hà Giang	Yên Minh	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang	Thị trấn Yên Minh	Bến xe khách phía Nam (thôn Cầu Mè) - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - thị trấn Tam Sơn (Quản Bạ) - thị trấn Yên Minh (Yên Minh) và ngược lại.	103	150	Đang khai thác
3	2323.1116.A	Hà Giang	Đồng Văn	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Bến xe khách huyện Đồng Văn	Bến xe khách phía Nam (thôn Cầu Mè) - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Yên Minh -QL.4C - Bến xe khách Đồng Văn và ngược lại.	145	330	Đang khai thác
4	2323.1113.A	Hà Giang	Mèo Vạc	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Bến xe khách huyện Mèo Vạc	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang (thôn Cầu Mè) - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Yên Minh - ĐT.176 - Bến xe khách huyện Mèo Vạc và ngược lại.	150	330	Đang khai thác

STT	Tên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh				Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (Km)	Lưu lượng (xe xuất bến/ tháng)	Phân loại tuyến
	Mã tuyến	TP, huyện, xã nơi đi/đến	TP, huyện, xã nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến				
	2323.1113.B					155	30	
5	2323.1119.A	Hà Giang	Bắc Mê	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Thị trấn Yên Phú	57	210	Đang khai thác
6	2323.1112.A	Hà Giang	Xín Mần	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang	Bến xe khách huyện Xín Mần	141	180	Đang khai thác
	2323.1112.B					146	60	
7	2323.1120.A	Hà Giang	Đồng Yên	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Xã Đồng Yên	98	90	Đang khai thác

STT	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh				Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (Km)	Lưu lượng (xe xuất bến/ tháng)	Phân loại tuyến
		TP, huyện, xã nơi đi/đến	TP, huyện, xã nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến				
8	2323.1122.A	Hà Giang	Xuân Giang	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Xuân Giang	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang - QL.2- Bắc Quang - Đồng Yên - Xuân Giang và ngược lại	120	210	Đang khai thác
	2323.1122.B					Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang - QL.2 - Bắc Quang - Vĩnh Hảo- Việt Hồng- Yên Hà - Xuân Giang và ngược lại	102	210	
9	2323.1121.A	Hà Giang	Quang Bình	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Thị trấn Yên Bình	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang - QL.2 - Tân Quang - Bắc Quang - QL.279- TT Yên Bình (Quang Bình) và ngược lại	85	120	Đang khai thác
10	2323.1124.A	Hà Giang	Liên Hiệp	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Xã Liên Hiệp	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang - QL.2 - Bắc Quang - Quang Minh - Bằng Hành - xã Liên Hiệp (huyện Bắc Quang) và ngược lại	90	90	Đang khai thác
11	2323.1125.A	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Bến xe khách phía Nam Hà Giang	Thị trấn Vinh Quang	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang - QL.2 - Tân Quang - ĐT.177 - thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì và ngược lại	100	90	Đang khai thác
12	2323.1126.A	Hà Giang	Nà Chi	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang	Xã Nà Chi	Bến xe khách phía Nam TP. Hà Giang - QL.2 - Tân Quang - Bắc Quang - QL.279- xã Nà Chi huyện Xín Mần và ngược lại	106	60	Đang khai thác

STT	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh				Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (Km)	Lưu lượng (xe xuất bến/ tháng)	Phân loại tuyến
		TP, huyện, xã nơi đi/đến	TP, huyện, xã nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến				
13	2323.1526.A	Bắc Quang	Nà Chì	Bến xe khách huyện Bắc Quang	Xã Nà Chì	Bến xe khách huyện Bắc Quang - QL.2 - QL.279 - Quang Bình - Nà Chì và ngược lại	50	90	Đang khai thác
14	2323.1525.A	Bắc Quang	Hoàng Su Phì	Bến xe khách huyện Bắc Quang	Thị trấn Vinh Quang	Bến xe khách huyện Bắc Quang - Tân Quang - ĐT.177 - Tân Lập - Hoàng Su Phì và ngược lại	73	90	Đang khai thác
15	2323.1215.A	Bắc Quang	Xín Mần	Bến xe khách huyện Bắc Quang	Bến xe khách huyện Xín Mần	Bến xe khách huyện Bắc Quang - Tân Quang - ĐT.177 - Tân Lập - Hoàng Su Phì - BXX huyện Xín Mần và ngược lại	110	120	Đang khai thác
	2323.1215.B	Bắc Quang	Xín Mần	Bến xe khách huyện Bắc Quang	Bến xe khách huyện Xín Mần	Bến xe khách huyện Bắc Quang - Quang Bình - Nà Chì - Bến xe khách huyện Xín Mần và ngược lại	117	30	Đang khai thác
16	2323.1315.A	Bắc Quang	Mèo Vạc	Bến xe khách huyện Bắc Quang	Bến xe khách huyện Mèo Vạc	Bến xe khách huyện Bắc Quang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quán Bạ - Yên Minh - ĐT.176 - Bến xe khách huyện Mèo Vạc và ngược lại	210	120	Đang khai thác
17	2323.1516.A	Bắc Quang	Đồng Văn	Bến xe khách huyện Bắc Quang	Bến xe khách huyện Đồng Văn	Bến xe khách huyện Bắc Quang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quán Bạ - Yên Minh - QL.4C - Bến xe khách huyện Đồng Văn và ngược lại	210	120	Đang khai thác